

THE CURRENT SITUATION OF SOCIAL MEDIA USE AMONG STUDENTS AT DONG NAI MEDICAL COLLEGE IN 2024

Nguyen Hong Quang*, Nguyen Thi Thao Nguyen, Doan Thi Hue

Dong Nai Medical College - Quarter 22, Long Binh ward, Dong Nai province, Vietnam

Received: 20/01/2026

Revised: 21/03/2026; Accepted: 05/06/2026

ABSTRACT

Objective: To describe the current status of social media use among students at Dong Nai Medical College in 2024.

Subjects and research methods: Students studying at Dong Nai Medical College.

Conclusion: Social networks have become an indispensable part of student life, Tiktok, zalo, facebook are social networks with a rate of students using regularly at 63.2%; 62.6% and 57.8%. Average use 1-3 hours/day, increasing on days off (at 5 hours/day).

Key word: Behaviors, social media, student, Dong Nai Medical College.

*Corresponding author

Email: quangq2cyd@gmail.com **Phone:** (+84) 919331379 **DOI:** 10.52163/yhc.v67iCD6.5361



THỰC TRẠNG SỬ DỤNG MẠNG XÃ HỘI CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ ĐỒNG NAI NĂM 2024

Nguyễn Hồng Quang*, Nguyễn Thị Thảo Nguyên, Đoàn Thị Huế

Trường cao đẳng y tế Đồng Nai - Khu phố 22, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Ngày nhận bài: 20/01/2026

Ngày chỉnh sửa: 21/03/2026; Ngày duyệt đăng: 05/06/2026

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả thực trạng sử dụng mạng xã hội của nó học sinh sinh viên trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai năm 2024.

Đối tượng và PPNC: Sinh viên tất cả các ngành đang theo học tại trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai.

Kết quả: MXH đã trở thành một phần tất yếu trong đời sống SV, nền tảng Tiktok, zalo, facebook là các MXH có tỷ lệ SV sử dụng ở mức độ thường xuyên chiếm tỷ lệ cao lần lượt là 63,2%; 62,6% và 57,8%. Thời gian sử dụng trung bình phổ biến 1-3 giờ/ngày, gia tăng đột biến vào các ngày nghỉ (trên 5 giờ/ngày).

Từ khóa: Hành vi, Mạng xã hội, sinh viên, Trường cao đẳng y tế Đồng Nai.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, Internet và các nền tảng mạng xã hội (MXH) ngày càng khẳng định vai trò quan trọng trong việc chia sẻ và tiếp cận thông tin, đồng thời đặt ra thách thức đối với công tác quản lý nội dung. MXH đã trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống, đặc biệt có ảnh hưởng sâu rộng đến học sinh, sinh viên. Tuy nhiên, các nghiên cứu hiện nay còn hạn chế trong việc đánh giá thực trạng sử dụng MXH ở sinh viên khối ngành sức khỏe – nhóm đối tượng có vai trò đặc thù liên quan đến cung cấp và tiếp nhận thông tin y tế. Xuất phát từ khoảng trống này, nghiên cứu được thực hiện với mục tiêu: **“Mô tả thực trạng sử dụng mạng xã hội của học sinh, sinh viên Trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai năm 2024.”**

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng, địa điểm, thời gian nghiên cứu

Sinh viên tất cả các ngành đang theo học tại trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai

Thời gian, địa điểm NC: tháng 03 đến tháng 8 năm 2024, trường CĐ Y tế Đồng Nai

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu: Mô tả cắt ngang

Cỡ mẫu:

$$n = Z_{1-\alpha/2}^2 \times \frac{p(1-p)}{e^2}$$

n: cỡ mẫu nghiên cứu

$Z_{1-\alpha/2}$ độ tin cậy ước lượng. Với độ tin cậy là 95% thì $Z_{1-\alpha/2} = 1,96$ ($\alpha = 0,05$)

α sai số cho phép. Nghiên cứu lựa chọn $\alpha = 0,03$

p: dự đoán tỉ lệ ước lượng là 0,60% sử dụng mạng xã hội thường xuyên. Cỡ mẫu nghiên cứu tính được là: 1025. Tuy nhiên trong quá trình nghiên cứu đã tiến hành trên 1.037 SV.

Chọn mẫu: Chúng tôi chọn toàn bộ sinh viên của trường vào nghiên cứu

2.3 Biến số nghiên cứu

- Nhóm biến số thông tin chung về đối tượng NC: năm sinh, giới tính, ngành học.

- Nhóm biến số về thực trạng sử dụng MXH của về đối tượng nghiên cứu gồm:

+ Phương tiện sử dụng MXH.

+ Mức độ sử dụng MXH.

+ Thời gian sử dụng MXH.

+ Thời điểm sử dụng MXH.

+ Mục đích sử dụng MXH: học tập, tìm kiếm việc làm, giải trí và khác.

+ Thuận lợi, khó khăn, ưu điểm, nhược điểm khi sử dụng MXH.

+ Chi phí cho việc sử dụng MXH.

2.4. Công cụ và phương pháp thu thập số liệu

- Công cụ thu thập: Sử dụng bộ câu hỏi được xây dựng sẵn.

- Điều tra thử để hoàn thiện phiếu điều tra phục vụ cho nghiên cứu chính thức.

- Phát phiếu điều tra.

2.5. Phương pháp xử lý số liệu: Sau khi thu thập số liệu được nhập vào máy bằng phần mềm Epi Data và xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0.

*Tác giả liên hệ

Email: quangq2cyd@gmail.com Điện thoại: (+84) 919331379 DOI: 10.52163/yhc.v67iCD6.5361

3. KẾT QUẢ

Bảng 1. Mức độ sử dụng mạng xã hội

Mạng xã hội	Mức độ			
	Thường xuyên (%)	Thỉnh thoảng (%)	Hiếm khi (%)	Chưa bao giờ (%)
Facebook	599 (57,8)	411 (39,6)	19 (1,8)	8 (0,8)
Tiktok	655 (63,2)	311 (30,0)	55 (5,3)	16 (1,5)
Zalo	649 (62,6)	356 (34,3)	30 (2,9)	2 (0,2)
Youtube	281 (27,1)	526 (50,7)	217 (20,9)	13 (1,3)
Myspace	35 (3,4)	46 (4,4)	63 (6,1)	893 (86,1)
Twitter	32 (3,1)	78 (7,5)	178 (17,2)	749 (72,2)
Gmail	140 (13,5)	591 (57,0)	291 (28,1)	15 (1,4)

Tiktok, zalo, facebook là các MXH có tỷ lệ SV sử dụng ở mức độ thường xuyên chiếm tỷ lệ cao trên 50%. Hơn 2/3 SV chưa bao giờ sử dụng myspace và twitter.

Bảng 2. Nguồn tin biết đến mạng xã hội

Nguồn thông tin	Tần số	Tỷ lệ %
Internet	691	66,6
Quảng cáo	34	3,3
Bạn bè giới thiệu	164	15,8
Sách, báo	10	1,0
Khác	138	13,3

Kết quả khảo sát cho thấy có 82,4% SV biết đến các mạng xã hội qua Internet và bạn bè giới thiệu còn sách báo chỉ chiếm tỷ lệ rất thấp.

Bảng 3. Thiết bị truy cập các trang mạng xã hội

Thiết bị	Thường xuyên (%)	Thỉnh thoảng (%)	Hiếm khi (%)	Chưa bao giờ (%)
Máy tính để bàn	77 (7,4)	487 (47,0)	236 (22,8)	237 (22,9)
Điện thoại	547 (52,7)	442 (42,6)	37 (3,6)	11 (1,1)
Laptop	90 (8,7)	674 (65,0)	180 (17,4)	93 (9,0)
Máy tính bảng	49 (4,7)	459 (44,3)	184 (17,7)	345 (33,3)
Thiết bị khác	50 (4,8)	456 (44,0)	146 (14,1)	385 (37,1)

Hơn 90% SV chủ yếu sử dụng điện thoại để truy cập MXH ở mức độ thường xuyên và thỉnh thoảng, sử dụng laptop truy cập các trang MXH chiếm hơn 70%.

Bảng 4. Thời gian sử dụng mạng xã hội

	Tần số	Tỷ lệ %
Thời gian để online MXH		
4 - 5 h/ngày	136	13,1
2- 3h/ngày	393	37,9
1- 2h/ngày	454	43,8
Dưới 1 giờ/ngày	19	1,8
Dưới 30 phút/ngày	35	3,4

	Tần số	Tỷ lệ %
Ngày nghỉ cuối tuần hoặc ngày rảnh rỗi		
Dành hoàn toàn cho MXH	384	37,0
Khoảng 1-2h	50	4,8
Dưới 4 giờ	214	20,6
Trên 5 giờ	47	4,5
Tôi dành hoàn toàn thời gian để nghỉ ngơi nên không vào MXH	342	33,0
Đăng nhập MXH trong một tuần		
Tôi luôn sắp xếp việc học để có thể online mỗi ngày	245	23,6
Mỗi tuần 1-2 lần	78	7,5
Bất cứ khi nào rảnh tôi đều tranh thủ online	512	49,4
Mỗi tuần từ 3-4 lần	85	8,2
Khác	117	11,3

Thời gian SV sử dụng MXH trung bình từ 1 đến 3 giờ/ ngày chiếm hơn 80%. Vào ngày nghỉ cuối tuần hoặc ngày rảnh rỗi, thời gian SV sử dụng điện thoại từ 5 giờ/ ngày trở lên chiếm hơn 4,5% và gần 50% SV trả lời bất cứ khi nào rảnh đều tranh thủ online.

Bảng 5. Thái độ khi sử dụng MXH

Nội dung	Thái độ				ĐTB	ĐLC
	Rất buồn (%)	Buồn (%)	Bình thường (%)	Không buồn (%)		
Khi tôi chia sẻ các nội dung lên MXH và không nhận được nhiều “like” hay “comment” của bạn bè	25 (2,4)	52 (5,0)	846 (81,6)	114 (11,0)	2,89	0,575
Khi đăng các bài xã luận lên MXH và không nhận được “like” hay “comment” của bạn bè	47 (4,5)	105 (10,1)	801 (77,2)	84 (8,1)	2,89	0,593
Đăng các hình ảnh của bản thân lên MXH mà không nhận được “Like” hay “comment”	46 (4,4)	142 (13,7)	775 (74,7)	74 (7,1)	2,85	0,602
Một ngày không vào MXH bạn cảm thấy thế nào?	65 (6,3)	225 (21,7)	720 (69,4)	27 (2,6)	2,68	0,628
Khi vào MXH bạn không “like” hay “comment”	25 (2,4)	52 (5,0)	846 (81,6)	114 (11,0)	3,01	0,507

Đa số SV trả lời có thái độ bình thường khi sử dụng MXH trong đó với nội dung khi tôi chia sẻ các nội dung lên MXH và không nhận được nhiều “like” hay “comment” của bạn bè và khi vào MXH bạn không “like” hay “comment” chiếm tỷ lệ đối tượng trả lời thái độ bình thường cao nhất là 81,6%.

4. BÀN LUẬN

Tiktok, zalo, facebook là các MXH có tỷ lệ SV sử dụng ở mức độ thường xuyên chiếm tỷ lệ cao lần lượt là 63,2%; 62,6% và 57,8%. Mặc dù kết quả này thấp hơn nghiên cứu

của Nguyễn Thị Bắc năm 2018 [3], Nguyễn Lan Nguyên năm 2020 [2], Ngô Anh Huy năm 2022 [1]. Tuy nhiên các nghiên cứu cũng đều chỉ ra iktok, zalo, facebook là các MXH được SV sử dụng phổ biến vì thực tế cho thấy đây là các ứng dụng MXH có nhiều tiện ích, dễ sử dụng, khả năng tương tác và tính giải trí cao. Nghiên cứu cũng cho thấy hơn 2/3 SV chưa bao giờ sử dụng Myspace và Twitter. Điều này có thể do MySpace đã rơi vào giai đoạn thoái trào nên ít được hiện diện trong nhận thức của thế hệ SV hiện tại, còn Twitter không đạt được mong muốn của người sử dụng và không đạt được khối lượng người dùng tới hạn trong cộng đồng SV, do đặc thù thiên về văn bản không thỏa mãn nhu cầu tương tác thị giác và giải trí của đối tượng này. Kết quả khảo sát cho thấy có 82,4% SV biết đến các MXH qua Internet và bạn bè giới thiệu. Điều này phản ánh đúng đặc thù của SV là những «công dân số», ưu tiên tiếp cận thông tin qua các kênh trực tuyến và chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ nhóm bạn bè.

Về thiết bị dùng để truy cập MXH cho thấy hơn 90% SV chủ yếu sử dụng điện thoại để truy cập MXH ở mức độ thường xuyên và thỉnh thoảng, sử dụng laptop truy cập các trang MXH chiếm hơn 70%. Đây cũng là 2 thiết bị điện tử phổ biến được sử dụng trong cộng đồng SV hiện nay.

Thời gian SV sử dụng MXH trung bình từ 1-3 giờ/ ngày là hơn 80%. Vào ngày nghỉ cuối tuần hoặc ngày rảnh rỗi thời gian SV sử dụng điện thoại từ 5 giờ/ ngày trở lên chiếm hơn 40% và gần 50% SV trả lời bất cứ khi nào rảnh đều tranh thủ online. Kết quả này gần tương đồng với các khảo sát về thời gian sử dụng MXH của SV như trong nghiên cứu của Nguyễn Thị Bắc năm 2018, Phan Thị Ngọc Trân năm 2025 [4], Nguyễn Thị Hải Yến năm 2024 [5]. Đây có thể coi là một điểm đáng lo ngại khi một bộ phận không nhỏ SV đang “nghiện” MXH. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe, học tập cũng như công việc và các hoạt động khác của SV. MXH đã trở thành một trong những thứ không thể thiếu đối với SV ngày nay.

Đa số các SV trả lời có thái độ bình thường khi sử dụng MXH trong đó với nội dung khi tôi chia sẻ các nội dung lên MXH và không nhận được nhiều “like” hay “comment” và khi vào MXH bạn không “like” hay “comment” trả lời thái độ bình

thường cao nhất là 81,6%. So với nghiên cứu của Nguyễn Thị Bắc đa phần SV khi không được sử dụng MXH đều cảm thấy buồn và mong muốn được tiếp tục sử dụng MXH thì nghiên cứu này cho thấy SV có thái độ bình thường chiếm tỷ lệ cao điều này có thể giải thích khả năng lệ thuộc vào MXH của SV nhóm ngành y được có xu hướng thấp hơn.

5. KẾT LUẬN

Khảo sát thực trạng sử dụng MXH của 1.037 SV, nghiên cứu cho thấy: MXH đã trở thành một phần tất yếu trong đời sống SV, nền tảng chủ đạo là TikTok, Zalo và Facebook. Thiết bị truy cập chính là điện thoại thông minh (Smartphone). Thời gian sử dụng trung bình phổ biến ở mức 1-3 giờ/ngày, tuy nhiên có sự gia tăng đột biến vào các ngày nghỉ (trên 5 giờ/ngày).

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ngô Anh Huy (2022), “Thực trạng sử dụng, ảnh hưởng của mạng xã hội đối với hành vi và sức khỏe trong sinh viên trường Đại học Y Dược – ĐHQGHN năm 2021”, Khóa luận tốt nghiệp ngành Y đa khoa, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [2] Nguyễn Lan Nguyên (2020). Ảnh hưởng của việc sử dụng mạng xã hội Facebook đến học tập và đời sống của sinh viên hiện nay. Retrieved from: https://ussh.vnu.edu.vn/uploads/ussh/dao-tao/2020_12/nguyen-lannguyen.pdf
- [3] Nguyễn Thị Bắc (2018), “Hành vi sử dụng mạng xã hội của sinh viên trường Đại học Hải Dương”, Luận văn thạc sĩ tâm lý học, Học viện khoa học xã hội.
- [4] Phan Thị Ngọc Trân, Nguyễn Văn Mạnh (2025), Ảnh hưởng của mạng xã hội đến sinh viên Trường Đại học Bình Dương - Phân hiệu Cà Mau, Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Trường Đại học Bình Dương – Quyển 8, số 1/2025.
- [5] Nguyễn Thị Hải Yến (2024), Thói quen sử dụng mạng xã hội của sinh viên trường đại học quốc tế Hồng Bàng, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng – Số Đặc biệt: Hội nghị Khoa học Tuổi trẻ Lần thứ 1 - 5/2024.